TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Kim Trọng và ông Đào Nam Dương

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh, Thư ký tòa án Toà án nhân dân huyện Tam Đảo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Lưỡng, Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 35/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lưu Văn Đ, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2017 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Văn Đ kết hôn với nhau ngày 29 tháng 10 năm 1998 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, đến khoảng tháng 01 năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ thường xuyên chơi bời, không quan tâm gì đến công việc và gia đình. Chị có khuyên bảo anh nhiều lần nhưng anh Đ không

thay đổi. Vợ chồng mâu thuẫn hai gia đình có hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh Đ.

Về nuôi con chung: Chị và anh Đ có 03 con chung là Lưu Thị S, sinh ngày 25/7/1999; Lưu Hải A, sinh ngày 16/8/2011 và Lưu Minh Đ, sinh ngày 17/5/2014. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị. Ly hôn đối với cháu S đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết và chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ và cháu A. Chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Đ và cháu A là 500.000đ/01 tháng/01 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị xác định không có và không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Lưu Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Cho chị Nguyễn Thị S ly hôn anh Lưu Văn Đ.

- Giao cho chị Nguyễn Thị S được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu A và cháu Đ. Anh Lưu Văn Đ cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu Đ là 500.000đ/01 tháng/ 01 cháu cho đến khi cháu A và cháu Đ đủ 18 tuổi.

- Chị Nguyễn Thị S và anh Lưu Văn Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị S và anh Lưu Văn Đ kết hôn với nhau ngày 29/10/1998, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp tiến bộ. Quá trình chung sống theo chị S trình bày do anh Đ thường xuyên chơi bời, không quan tâm gì đến công việc và gia đình mặc dù đã được khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 01 năm 2016 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết anh Đ biết việc chị S xin ly hôn nhưng anh Đ không quan tâm và bỏ mặc để chị S giải quyết. Thể hiện anh Đ không còn quan tâm gì đến hạnh phúc gia đình và thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh Đ là trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị S và cho chị S được ly hôn anh Đ là phù hợp.

[2] *Về nuôi con chung*: Anh Đ, chị S có 03 con chung là Lưu Thị S, sinh ngày 25/7/1999; Lưu Hải A, sinh ngày 16/8/2011 và Lưu Minh Đ, sinh ngày 17/5/2014. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị S. Ly hôn đối với cháu S đã trưởng thành nên chị S không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu A và cháu Đ, chị S đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu A và cháu Đ là 500.000đ/01 tháng/01 cháu. Xét thấy anh Đ không quan tâm đến gia đình, cháu A và cháu Đ còn nhỏ và đang ở cùng chị S, để tránh xáo trộn trong cuộc sống của các cháu. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu A và cháu Đ cho chị S được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đ có nghề nghiệp làm xây dựng, có thu nhập ổn định khoảng 10.000.000đ đến 12.000.000đ một tháng nên cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung của chị S là 500.000đ/01 tháng/01 cháu kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu A và cháu Đ đủ 18 tuổi là phù hợp và anh Đ có quyền thăm nom con chung là phù hợp.

[3] *Về tài sản, vay nợ, công sức*: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời quá trình giải quyết vụ án anh Đ vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và anh Lưu Văn Đ phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị S ly hôn anh Lưu Văn Đ.

[2] *Về nuôi con chung*: Giao chị Nguyễn Thị S được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Lưu Hải A, sinh ngày 16/8/2011 và Lưu Minh Đ, sinh ngày 17/5/2014. Anh Lưu Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S số tiền 500.000đ/01 tháng/ 01 cháu kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu A và cháu Đ đủ 18 tuổi và anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được

ngăn cản.

[3] Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000,đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000,đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004678 ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo. Chị Nguyễn Thị S đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lưu Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

ĐÃ KÝ

Mầu Văn Mùi